TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 33/2024/QĐST-DS	*TC, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 240/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TC về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản",*

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị K, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Kim Thị K: Anh Thạch Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Kim Quí T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Kim Thị Th, sinh năm: 1987; địa chỉ: Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Chị Kim Thị Sô P, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kim Thị Th và chị Kim Thị Sô P: Anh Thạch Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Công nhận cho bà Kim Thị K được quyền sử dụng diện tích đất 1246,20 m^2, thuộc một phần thửa 294 (phần L); diện tích đất 554,80 m^2 (phần H) và diện tích đất 8,60 m^2 (phần J), thuộc một phần thửa 295; cùng tờ bản đồ bản đồ số 9, theo tài liệu đo đạc năm 1995, địa chỉ thửa đất tại Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông T1đại diện hộ đứng tên chủ sử dụng đất.

Diện tích 1246,2 m^2 (phần L) thửa 294 có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 293 (phần F), có số đo 8,35 m.

Hướng Tây là đường gấp khúc có 03 đoạn: Đoạn 01 giáp đường nhựa có số đo 22,10 m; đoạn 02 giáp thửa 295 có số đo 51,90 m và đoạn 03 giáp thửa 295 có số đo 23,50 m.

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 294 (phần I) có số đo 47,90 m;

Hướng Bắc giáp kênh có số đo 83,55 m.

Diện tích 554,8 m^2 (phần H) thửa 295 có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 294 là điểm 0.

Hướng Tây giáp đường nhựa có số đo 22,40 m.

Hướng Nam giáp thửa 295, 294 có 04 đoạn: Đoạn 01 giáp phần còn lại của thửa 295 có số đo số đo 18,50 m; đoạn 02 giáp phần còn lại của thửa 295 có số đo 7,0 m; đoạn 03 giáp phần còn lại của thửa 295 có số đo 1,50 m và đoạn 04 giáp thửa 294 có số đo 23,5 m;

Hướng Bắc giáp thửa 294 có số đo 51,90 m.

Diện tích 8,6 m^2 (phần J) thửa 294 có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa thửa 294 là điểm 0.

Hướng Tây giáp đường nhựa có số đo 0,90 m.

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 294 có số đo 18,70 m;

Hướng Bắc giáp thửa 295 có số đo 18,50 m.

*Công nhận cho anh Kim Quí T được quyền sử dụng diện tích đất 674,90 m^2, thuộc một phần thửa 294 (phần A); tờ bản đồ bản đồ số 9, theo tài liệu đo đạc năm 1995, địa chỉ thửa đất tại Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông T1 đại diện hộ đứng tên chủ sử dụng đất. Đất có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 294 (phần B) có số đo 29,80 m.

Hướng Tây giáp đường nhựa có số đo 29,80 m.

Hướng Nam giáp thửa 1411 có số đo 22,30 m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 294 có số đo 22,20 m.

*Công nhận cho chị Kim Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 659,2 m^2 , thuộc một phần thửa 294 (phần B); tờ bản đồ bản đồ số 9, theo tài liệu đo đạc năm 1995, địa chỉ thửa đất tại Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông T1 đại diện hộ đứng tên chủ sử dụng đất. Đất có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 294 (phần C) có số đo 23,50 m.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 294 (phần A) có số đo 29,80 m.

Hướng Nam giáp thửa 1411 có số đo 23,86 m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 294 có 02 đoạn: Đoạn 01 có số đo 3,60 và đoạn 02 có số đo 21,80 m.

*Công nhận cho chị Kim Thị Sô P được quyền sử dụng diện tích đất 518,3 m^2, thuộc một phần thửa 294 (phần C); tờ bản đồ bản đồ số 9, theo tài liệu đo đạc năm 1995, địa chỉ thửa đất tại Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông T1 đại diện hộ đứng tên chủ sử dụng đất. Đất có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 293 (phần D) có số đo 15,40 m.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 294 (phần B) có số đo 23,50 m.

Hướng Nam giáp thửa 1411 có số đo 26,70 m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 294 có số đo 27,60 m.

*Công nhận cho chị Kim Thị Th và chị Kim Thị Sô P được quyền sử dụng chung diện tích đất để làm lối đi là 148,8 m^2 (phần I), thuộc một phần của thửa 294 và diện tích 1,50 m^2 (phần K), thuộc một phần thửa 295; tờ bản đồ bản đồ số 9, theo tài liệu đo đạc năm 1995, địa chỉ thửa đất tại Ấp C, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do ông T1 đại diện hộ đứng tên chủ sử dụng đất.

Diện tích đất 148,8 m^2 (phần I), thuộc một phần thửa 294 có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 293 (phần E) có số đo 02 m.

Hướng Tây giáp đường nhựa có số đo 02 m.

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 294 là đường gấp khúc có 04 đoạn: Đoạn 01 (giáp phần A) có số đo 22,2 m; đoạn 02 (giáp phần B) có số đo 3,60 m; đoạn 03 (giáp phần B) có có số đo 21,80 m và đoạn 4 (giáp phần C) có số đo 27,60 m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 295, 294 là đường gấp khúc có 04 đoạn: Đoạn 01 giáp thửa 295 (phần J) có số đo 18,70 m; đoạn 02 giáp thửa 295 (phần K) có số đo 8,50 m; đoạn 3 giáp thửa 294 (phần L) có số đo 47,90 m.

Diện tích đất 1,5 m^2 (phần K), thuộc một phần thửa 295 có vị trí, kích thước và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 294 là điểm 0.

Hướng Tây giáp thửa 294 là điểm 0.

Hướng Nam giáp thửa 294 có số đo là 8,50 m.

Hướng Bắc là đường gấp khúc giáp phần còn lại thửa 295 có 02 đoạn: Đoạn 01 có số đo 7,0 m và đoạn 02 có số đo 1,50 m.

(Có sơ đồ kèm khu đất tranh chấp theo công văn số: 327/CNHTrC, ngày 26/02/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TC).

*Bà Kim Thị K, anh Kim Quí T, chị Kim Thị Th và chị Kim Thị Sô P thống nhất có nghĩa vụ giao trả đúng vị trí đất cho các bên đã được công nhận quyền sử dụng nêu trên.

*Anh Kim Quí T, chị Kim Thị Th và chị Kim Thị Sô P thống nhất giao cho bà Kim Thị K được quyền sử dụng hoa lợi, lợi tức từ những cây dừa có trên đất của anh T, chị Th và chị Sô P được công nhận quyền sử dụng cho đến khi bà K chết (thu hoạch trái dừa). Sau khi bà K chết, anh T, chị Th và chị So P được hưởng tất cả cây trái, tài sản có trên đất của mình được công nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

*Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Kim Thị K đồng ý chịu 5.428.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá đất 120.000 đồng/m^2) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà K đã nộp là 4.906.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0018480 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC; bà K còn phải nộp 522.550 đồng.

Anh Kim Quí T đồng ý chịu 2.024.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá đất 120.000 đồng/m^2).

Chị Kim Thị Th đồng ý chịu 2.203.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá đất 120.000 đồng/m^2).

Chị Kim Thị Sô P đồng ý chịu 1.780.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá đất 120.000 đồng/m^2).

Bà Kim Thị K đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng 9.003.000 đồng (số tiền này bà K đã nộp và chi xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện TC;
- VKSND huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Tiên Nghiệm